

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 04-6-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam; ông Y Krang Jiê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkrông – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; có mặt;

Bị đơn: Anh Y T Hdruể, chị H L Niê; cùng địa chỉ: Buôn B, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/4/2015, anh Y T, chị H L vay bà H 80.000.000 đồng; mức lãi 2.000 đồng/1.000.000đồng/tháng; hạn đến 22/5/2015 trả nợ. Đến 08/7/2015 đã trả được 20.000.000 đồng còn nợ lại 60.000.000 đồng; đến 23/7/2015 anh Y T vay thêm 13.000.000 đồng thành tổng nợ của khoản vay này là 73.000.000 đồng. Đến 10/01/2017, hai bên tính toán lại những khoản đã vay, đã trả và chốt nợ anh Y T, chị H L còn nợ lại 35.450.000 đồng gốc, hạn đến 15/01/2017 sẽ trả hết nợ nhưng đến nay anh T, chị L vẫn chưa trả. Nay bà H yêu cầu anh Y T, chị H L phải trả khoản tiền trên và không yêu cầu trả lãi.

Ngày 25/02/2019, anh T, chị L đứng ra vay bà H 12.660.000 đồng để đóng bảo hiểm nhân thọ cho em gái chị L do bà H làm đại lý. Nay bà H đề nghị rút yêu cầu khởi kiện anh Y T, chị H L đối với khoản vay này.

Ngày 23/4/2019, anh Y T, chị H L vay 800.000.000đ hạn đến 23/5/2019 trả hết gốc và lãi với mức 2.000 đồng/triệu/ngày; khoản vay này, anh T, chị L chưa trả lãi, còn tiền gốc đã trả như sau:

Ngày 10/05/2019 trả 300.000.000đ còn nợ 500.000.000đ;

Ngày 11/12/2019 trả 100.000.000đ còn nợ 400.000.000đ;

Ngày 15/12/2019 trả 20.000.000đ còn nợ 380.000.000đ;

Ngày 10/7/2020 trả 90.000.000đ còn nợ **290.000.000đ**;

Nay bà H yêu cầu anh Y T, chị H L phải trả gốc 290.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi 20% năm; lãi quá hạn đến ngày xét xử là 30% năm và lãi chậm trả của số tiền lãi trong hạn 10%/năm.

Tại phiên tòa, anh Y T, chị H L vắng mặt. Qua các tài liệu như bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất thể hiện anh Y T H dluž, chị H L Niê đều thừa nhận vợ chồng anh chị có vay khoản khoản vay 80.000.000 đồng ngày 22/4/2015 và khoản vay 800.000.000 đồng ngày 23/4/2019; cả hai khoản vay đều thỏa thuận mức lãi là 2.000đ/1.000.000đ/ngày.

Về khoản vay 80.000.000 đồng, vợ chồng anh Y T, chị H L nhờ anh Y L Long Ding vay hộ vì lúc đó chưa quen, biết với bà H; việc trả nợ gốc, lãi là do anh Y T trực tiếp trả cho bà H. Qua nhiều lần trả rồi vay lại thì còn nợ lại 35.450.000 đồng nhưng đây là số tiền lãi còn lại chứ không phải tiền gốc. Việc trả nợ và vay đi vay lại lại nhiều lần nhưng không viết biên nhận từng lần nên anh Y T không nhớ cụ thể và không có người làm chứng.

Về khoản vay 800.000.000 đồng, anh Y T, chị H L đã trả như bà H trình bày. Ngoài ra, anh Y T còn trả thêm được khoản lãi 28.800.000 đồng tại nhà bà H vào thời điểm sau vài ngày khi trả khoản gốc 300.000.000 đồng ngày 10/5/2019 nhưng hai bên không viết biên nhận và không có người làm chứng.

Đối với khoản tiền 12.660.000 đồng ngày 25/02/2019, đây là khoản tiền đóng bảo hiểm nhân thọ, chị H là đại lý bảo hiểm; em gái chị L (H N Niê) là người tham gia. Anh Y T, chị H L không vay, cũng không đứng ra bảo lãnh để bà H bỏ tiền đóng thay H Nét Niê như bà H trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất đã dẫn đến phải hoãn phiên tòa, nay vẫn tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần 2 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị H; buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê phải trả bà Ngô Thị H số tiền **566.831.000** (Năm trăm sáu mươi sáu triệu Tm trăm ba mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày 05/6/2021 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, anh Y T Hduế, chị H L Niê còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Ngô Thị H đối với anh Y T Hduế, chị H L Niê tương ứng với yêu cầu trả số tiền 12.660.000 đồng và số tiền lãi chênh lệch so với khi khởi kiện là 5.817.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê chịu 26.673.000 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí và được trả lại 13.706.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0010498 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay; bị đơn cư trú tại huyện Lắc; do đó xác định giữa các bên phát sinh tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có thiện chí hợp Tc tham gia tố tụng, từ bỏ thực hiện các quyền tố tụng của mình, quyền chứng minh các nội dung cơ bản của hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với khoản vay 80.000.000 đồng ngày 22/4/2015, các bên đều thống nhất còn nợ lại 35.450.000 đồng nhưng còn mâu thuẫn: bên cho vay cho rằng đây là khoản nợ gốc, bên vay cho là tiền lãi. Chứng minh cho khoản nợ này, bà H cung cấp hai bản in từ ảnh chụp điện thoại thể hiện những nội dung: số tiền vay 80.000.000đ ngày 22/4/2015 hẹn ngày 22/5/2015 trả; ngày 08/7/2015 đã trả 20.000.000 đồng; ngày 23/7/2015, anh T vay thêm 13.000.000 đồng; tổng tính đến ngày 10/01/2017: gốc 70.450.000 đồng, đã trả 35.000.000 đồng, còn lại 35.450.000 đồng, hẹn đến 15/01/2017 trả hết.

Xét thấy, bản chụp bằng điện thoại sau đó in ra giấy, không phải là văn bản gốc nhưng anh Y T đã xác định nội dung vay và còn nợ 35.450.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Việc anh Y T cho rằng khoản nợ này là khoản tiền lãi còn lại sau nhiều lần giao dịch vay, trả nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh khoản nợ 35.450.000 đồng là khoản tiền lãi, hơn nữa trong tài liệu này có thể hiện rõ “gốc 70.450.000 đồng”, đã trả 35.000.000 đồng, còn lại 35.450.000 đồng, hạn đến 15/01/2017; do đó, thực chất số nợ chưa trả 35.450.000 đồng là tiền gốc.

Về lãi, lãi đã trả theo thỏa thuận là 2.000/1.000.000/ngày tức là 73%/năm; đây là mức lãi vượt quá quy định (lãi suất giới hạn là 20%/năm), lẽ ra phải được xem xét lại; tuy nhiên, việc vay - trả diễn ra nhiều lần, các bên không có ghi chép, xác nhận cụ thể nên không xác định được khoản tiền lãi đã trả là bao nhiêu, hơn nữa, các bên không tranh chấp về lãi, lãi xuất, nên không có cơ sở để xem xét lại khoản tiền lãi đã trả vượt quá quy định. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đối với khoản vay này, cần buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc 35.450.000 đồng và không tính lãi đến ngày xét xử.

[3] Đối với khoản vay 800.000.000 đồng ngày 23/5/2019: Bà H có “Giấy vay tiền” ngày 23/5/2019 chứng minh anh Y T, chị H L có vay 800.000.000 đồng; thời điểm trả nợ là ngày 23/5/2019; lãi suất không thể hiện; mặt sau của văn bản này thể hiện anh Y T đã trả 300.000.000 đồng, chưa tính lãi. Anh Y T thừa nhận chữ ký trong “Giấy vay tiền” ngày 23/4/2019. Khoản vay này, các bên trình bày về cơ bản đã phù hợp về thời điểm vay, trả, số tiền vay, số tiền đã trả từng đợt, mức lãi, số tiền còn nợ gốc là 290.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H để buộc anh Y T, chị H L liên đới trả khoản nợ gốc này.

Về lãi của khoản vay này, Tòa án xét thấy, việc anh T cho rằng đã trả lãi là 28.800.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã trả; bên cho vay cũng không thừa nhận nên không có cơ sở xác định anh Y T đã trả 28.800.000 đồng tiền lãi.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn theo lãi suất 20%/năm, lãi quá hạn 30%/năm và lãi chậm trả của lãi trong hạn 10%/năm cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận lãi theo yêu cầu của nguyên đơn và xác định các khoản lãi như sau:

1. Lãi trong hạn:

Từ ngày vay 23/4/2019 đến ngày 10/5/2019 là 17 ngày x 800.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 7.452.000 đồng;

Từ ngày 11/5/2019 đến ngày 23/5/2019 là 13 ngày x 500.000.000 đồng x 20% : 365 ngày = 3.561.600 đồng;

2. Lãi trong hạn chậm trả từ 24/5/2019 đến ngày xét xử (04/6/2021) là 744 ngày x (7.452.000 + 3.561.600) x 10% : 365 = 2.245.000 đồng.

3. Lãi quá hạn:

Từ ngày 24/5/2019 đến ngày 11/12/2019 là 203 ngày x 500.000.000 đồng x 30% : 365 ngày = 83.424.000 đồng;

Từ ngày 12/12/2019 đến ngày 15/12/2019 là 04 ngày x 400.000.000 đồng x 30% : 365 ngày = 1.315.000 đồng;

Từ ngày 16/12/2019 đến ngày 10/07/2020 là 208 ngày x 380.000.000 đồng x 30% : 365 ngày = 64.964.000 đồng;

Từ ngày 11/07/2020 đến ngày xét xử (04/6/2021) là 329 ngày x 290.000.000 đồng x 30% : 365 ngày = 78.419.000 đồng;

Tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của tiền lãi trong hạn là:

$35.450.000 + 290.000.000 + 7.452.000đ + 3.561.600 + 2.245.000 + 83.424.600 + 1.315.000 + 64.964.000 + 78.419.000 = 566.831.000$ đồng (đã làm tròn số).

Về khoản tiền 12.660.000 đồng, nguyên đơn đã rút yêu cầu này và rút phần yêu cầu tính lãi bị chênh lệch khi khởi kiện so với số tiền lãi được Tòa án chấp nhận nên cần đình chỉ một phần yêu cầu tương ứng. Số tiền lãi chênh lệch là $585.308.000 - 566.831.000 - 12.660.000 = 5.817.000$ đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $400.000.000 \times 5\% + 166.831.000 \times 4\% = 26.673.000$ đồng.

Về việc miễn án phí, anh Y T Hdruể, chị H L Niê có đơn đề nghị miễn án phí nhưng theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 nay được thay thế bằng Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (có hiệu lực từ ngày 04/6/2021) thì xã Buôn Tría không nằm trong danh sách xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên mặc dù là đồng bào dân tộc thiểu số nhưng không phải là đối tượng được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; do đó không miễn án phí cho anh Y T Hdruể, chị H L Niê.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466 của Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị H; buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê phải trả bà Ngô Thị H số tiền **566.831.000** (Năm trăm sáu mươi sáu triệu Tám trăm ba mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày 05/6/2021 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, anh Y T Hduế, chị H L Niê còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Ngô Thị H đối với anh Y T Hduế, chị H L Niê tương ứng với yêu cầu trả số tiền 12.660.000 đồng và số tiền lãi chênh lệch so với khi khởi kiện là 5.817.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê chịu 26.673.000 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí và được trả lại 13.706.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0010498 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 04/6/2021, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Lắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- Chi cục THADS H. Lắc;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng